Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn 12(67-77)
GV: Đỗ Thị Thu Thủy
Ngày soạn: 5/2/2026
Lớp dạy: 12/2

BÀI 7. SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ
(11 tiết)

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN
I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN
1. Đọc:
VB1: *Nghệ thuật băm thịt gà* (Trích *Việc làng* – Ngô Tất Tố)
VB2: *Bước vào đời* (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)
Thực hành đọc: *Vĩ tuyến 17* (Trích *Gánh gánh…gồng gồng…* - Xuân Phương)
2. Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật
3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
4. Nói và nghe: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD
B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* - **HS biết đọc hiểu văn bản kí** + Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;… + Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - **HS hiểu được** đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vậndụng một cách hiệu quả trong giao tiếp. - **HS biết viết** bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. - **HS biết** trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
II.PHẨM CHẤT	
Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết đinh, hành động hướng về lí tưởng	

cao đẹp
TH*
- Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Giáo dục tinh thần, trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu về kí, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:67,68,69

VĂN BẢN 1: NGHỆ THUẬT BĂM THỊT GÀ

(Trích *Việc làng*)

- Ngô Tất Tố -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy đọc, giúp HS:

- Nhận biết được một số yếu tố của phóng sự qua đọc hiểu văn bản *Nghệ thuật băm thịt gà*: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;...
- Phân tích được giá trị nội dung và những điểm đặc sắc về nghệ thuật của phóng sự *Nghệ thuật băm thịt gà.*
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của bài phóng sự đối với sự tiếp nhận của người đọc và tiến bộ xã hội.

2. Phẩm chất: Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực, có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về bản chất của các hiện tượng đời sống diễn ra xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức cũ.

- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Theo dõi và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</th><th>SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu yêu cầu: Văn hóa Việt Nam vô cùng đa dạng. Bên cạnh những phong tục, tập quán tốt đẹp cần giữ gìn, phát huy là những hủ tục lạc hậu cần xóa bỏ.
- Em hãy phân loại những tục sau là tập tục lành mạnh hay hủ tục:
Tục ăn trầu; tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống; thờ cúng tổ tiên; tết Trung thu; mê tín dị đoan; giết mổ nhiều gia súc, gia cầm trong đám tang; lễ tảo mộ trong tiết thanh minh; cúng ông công ông táo.
<table>
<tr><td>Tập tục lành mạnh</td><td>Hủ tục lạc hậu</td></tr>
<tr><td>.....</td><td>.....</td></tr>
</table>
- Từ đó, em hãy phân biệt phân biệt tập tục (phong tục, tập quán) lành mạnh và hủ tục.
Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.
Bước 4: Kết luận, nhận định

- HS trả lời.
- GV nhận xét câu trả lời và dẫn vào bài: Hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu là một trong những nguyên nhân tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân. Điều đó đã được nhà văn Ngô Tất Tố phản ánh trong thiên phóng sự đặc sắc "Việc làng" ngay từ trước cách mạng tháng 8 năm 1945 để phơi bày và phê phán những hủ tục lạc hậu ở thôn quê, đẩy người dân vào cảnh cùng quẫn.
</td><td>
- Phân loại:
<table>
<tr><td>Tập tục lành mạnh</td><td>Hủ tục lạc hậu</td></tr>
<tr><td>Tục ăn trầu; thờ cúng tổ tiên; tết Trung thu; lễ tảo mộ trong tiết thanh minh; cúng ông công ông táo.</td><td>Tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống; mê tín dị đoan; giết mổ nhiều gia súc, gia cầm trong đám tang</td></tr>
</table>
- Tập tục là những phong tục, tập quán tốt đẹp của con người được tạo lập, ổn định và được cộng đồng thừa nhận, kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Hủ tục là những phong tục tập quán từng có quá trình tồn tại dài lâu nhưng bị người của thời bây giờ nhìn nhận là lỗi thời, lạc hậu, cần được xoá bỏ.
</td></tr>
</table>

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Tìm hiểu đặc trưng của một số thể loại của kí: phóng sự, hồi kí.
- Nắm được những nét chung về tác giả Ngô Tất Tố và thiên phóng sự "Việc làng".
- Biết đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại phóng sự.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

<table>
<tr><th>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</th><th>SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
HS hoàn thành Phiếu học tập số 01 sau theo cặp đôi.
Thời gian thảo luận cặp: 03 phút
<table>
<tr><td></td><td>Phóng sự</td><td>Hồi kí</td></tr>
</table>
</td><td>
I. Tri thức Ngữ văn: Phóng sự, hồi kí
<table>
<tr><th></th><th>Phóng sự</th><th>Hồi kí</th></tr>
<tr><td>Điểm giống nhau</td><td colspan="2">- Đều là những thể loại thuộc loại hình kí.
- Đều có sự kết hợp giữa tính phi hư cấu với một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật,...</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Điểm giống nhau		
Điểm khác nhau (Về nội dung, về nghệ thuật)		

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo:
- HS làm việc theo cặp đôi, hoàn thành PHT sô s01.
- Sau 3 phút, GV mời một số đại diện cặp đôi phát biểu.

Bước 4: Kết luận, nhận định

	+ Thể hiện ở những sự kiện có thực: thời gian, địa điểm, số liệu ... + Giúp người đọc vừa thấy được sự kiện, vừa biết được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được hoàn cảnh, tính cách, số phận nhân vật.	
Điểm khác nhau (Về nội dung, về nghệ thuật)	- Về nội dung: + Tính chân thực: Người viết bám sát hiện thực đời sống, phát hiện những sự việc, vấn đề có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống xã hội đương thời. + Tính chiến đấu: Dùng để phản bác những nhận thức còn sai lệch; khẳng định điều tốt đẹp trong đời sống. - Về nghệ thuật: + Sử dụng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại, ghi chép tại chỗ, ... + Kết hợp tư liệu thực tế và các thủ pháp hư cấu. + Nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc,...	- Về nội dung: + Người viết kể lại những sự kiện dựa trên ấn tượng, hồi ức của cá nhân, giúp người đọc vừa thấy rõ trải nghiệm của người viết, vừa thấy được đời sống lịch sử - xã hội và văn hóa một thời đã qua. + Tính xác thực: Người viết tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách chứng nhân. - Về nghệ thuật: + Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (tác giả trực tiếp trình bày, mô tả về sự việc, con người) + Mang đậm tính chủ quan – đặc điểm tạo nên sức hút riêng của hồi kí.

Nhiệm vụ 2. Đọc và tìm hiểu chung

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - HS tự đọc phần giới thiệu chung về tác giả Ngô Tất Tố và thiên phóng sự *Việc làng*. - Hoàn thiện bảng kiến thức sau theo hình thức cá nhân vào trong vở	**II. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Tác giả và tác phẩm**

	Thông tin chính
Tác giả Ngô Tất Tố	

Tác giả, tác phẩm	**Thông tin chính**
Tác giả Ngô Tất Tố	- Nhà văn Ngô Tất Tố (1893 – 1954) - Quê: Từ Sơn, Bắc Ninh; nay thuộc Đông Anh, Hà Nội. - Là nhà Nho tinh thông cổ học, dịch giả, nhà nghiên cứu về tư tưởng triết học, văn học cổ, đồng thời là một nhà báo, nhà văn. - Vị trí văn học: là một trong những

Tác phẩm *Việc làng*	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS hoàn thiện bảng kiến thức
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)

Bước 4: Kết luận, nhận định
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

2.2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

***GV hướng dẫn HS đọc VB.**

- GV lưu ý về cách đọc VB phóng sự: đọc to rõ ràng, chú ý ngôn ngữ đối thoại.
- GV đọc mẫu một đoạn, sau đó yêu cầu một vài HS đọc đọc tiếp.
- GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thẻ chiến lược đọc ở lề bên phải của VB.
- Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó.

*** Yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau:**

- *Nêu vị trí của văn bản.*
- *Nhan đề của VB có thể gợi lên những suy luận, phán đoán gì về nội dung được đề cập trong bài phóng sự?*

(Gợi ý: *Từ " nghệ thuật" thường gắn với những đối tượng, hoạt động nào? Cách kết hợp từ ngữ " nghệ thuật" và "băm thịt gà" có thể gợi về một sự việc bình thường hay đặc biệt?*

- *Nêu nội dung khái quát của văn bản.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS đọc VB.
- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.
- HS thực hiện.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- Đại diện 1 số HS đọc VB.
- Các HS khác nhận xét.

Bước 4. Kết luận, nhận định

	nhà văn hiện thực tiêu biểu của văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Đề tài văn học: nông thôn và người nông dân.
Tác phẩm *Việc làng* 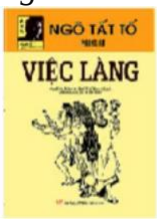	- Thể loại: Phóng sự - Gồm 17 chương. - Phản ánh đời sống nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Tác phẩm ghi lại, phân tích, phơi bày những hủ tục nhiêu khê ở nông thôn lúc bấy giờ và những hậu quả nghiêm trọng của nó.

2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Đọc VB, tìm hiểu chú thích

b. Vị trí: Thuộc chương IV của phóng sự "Việc làng".

c. Ý nghĩa nhan đề

- Nhan đề khái quát nội dung văn bản.

+ Từ "*nghệ thuật*: thường gắn với đối tượng là những người nghệ sĩ, gắn với các hoạt động có tính chất sáng tạo của con người, tạo ra những sản phẩm có giá trị lớn về tinh thần, tư tưởng và thẩm mĩ.

Ví dụ: *hội hoạ, âm nhạc, cắm hoa, kiến trúc…*

+ Cụm từ *"Băm thịt gà":* gắn với sự việc đời thường, thường diễn ra hàng ngày.

è Ý nghĩa của cách kết hợp từ ngữ " nghệ thuật" và "băm thịt gà":

+ Gợi sự bất thường, sự tò mò, hấp dẫn cho người đọc.

+ Phản ánh một tập tục có thật ở làng quê Bắc bộ "chứa hàng xóm" và việc "chia chác cỗ theo việc làng".

d. Nội dung khái quát: Tái hiện một cách khách quan và sinh động cảnh "chứa hàng xóm" ở thôn quê, trong đó nổi bật là việc nhân vật mõ làng băm thịt gà.

Nhiệm vụ 3. Khám phá văn bản

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong thời gian **5 phút:** -GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm **Nhóm 1.** Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. **Cần làm rõ những vấn đề sau:** 1. Xác định bối cảnh không gian, thời gian; các nhân vật, các sự kiện chính được tác giả thuật lại trong VB 2. Nêu tác dụng của việc sử dụng tính phi hư cấu trong văn bản. 3. Nhận xét cách quan sát, ghi chép hiện thực của tác giả. **Nhóm 2.** Tìm hiểu thủ pháp trần thuật trong VB. **Cần làm rõ những vấn đề sau:** 1. Tác giả thuật lại các sự việc chính theo trình tự nào? 2. Nêu tác dụng của ngôi kể thứ nhất và các yếu tố tạo nên giọng điệu của bài phóng sự. **Nhóm 3.** Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong VB. **Cần làm rõ những vấn đề sau:** 1. Chỉ ra yếu tố miêu tả được sử dụng trong VB. 2. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa thủ pháp trần thuật và miêu tả trong VB. **Nhóm 4. Tìm hiểu các chi tiết tiêu biểu trong văn bản** Chỉ ra và nêu ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong VB. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng, hoàn thành các PHT. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm.	**III. Khám phá văn bản** **1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại phóng sự qua văn bản** **a. Tính phi hư cấu của thể loại phóng sự** **- Khái niệm:** Thuật lại những sự kiện, sự việc có thật. **- Biểu hiện trong văn bản**: Những sự kiện, chi tiết tái hiện bối cảnh lịch sử, nhân vật mang dấu ấn lịch sử, câu chuyện được kể lại, các mốc thời gian,… **** Tính phi hư cấu được thể hiện trong văn bản*** - Thời gian chân thực: Lúc đêm khuya và gần sáng - Địa điểm chân thực: Tại nhà của nhân vật Lăng Vân ở một vùng quê nghèo trước cách mạng. - Sự kiện chân thực: + Câu chuyện của tác giả và người bạn Lăng Vân lúc đêm khuya và gần sáng: bối cảnh và tình huống sự kiện "chứa hàng xóm". + Cảnh mọi người đến nhà Lăng Vân dự lệ làng khi trời sáng rõ. + Cảnh anh mõ chia cỗ và băm thịt gà sau khi "hàng xóm đã đến đông đủ". à Các sự kiện chính được tác giả thuật lại theo trình tự thời gian. - Các nhân vật chân thực: dân làng, từ những kẻ quyền thế trong làng quát nạt, ra lệnh chia cỗ cho đến anh mõ làng làm cỗ (nhân vật Mới). ****Tác dụng của việc sử dụng tính phi hư cấu***: + Câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi. + Bảo đảm tính xác thực trong việc ghi chép những sự kiện, nhân vật của đời sống. **** Nhận xét cách quan sát, ghi chép hiện thực của tác giả:*** quan sát và ghi chép tại chỗ, chân thực toàn bộ câu chuyện về cảnh "chứa hàng xóm", có bối cảnh, tình huống, diễn biến (lúc thì "chùng chình, chờ đợi", lúc thì gấp gáp, khẩn trương). Đặc biệt, người kể chuyện không bỏ qua bất cứ một chi tiết nhỏ nào trong chuỗi hành động băm thịt gà của anh Mới. Cách miêu tả này đã tạo nên sự hấp dẫn và kịch tính cho câu chuyện. **b. Sự kết hợp thủ pháp trần thuật và miêu tả** **** Thủ pháp trần thuật:*** - Tái hiện các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất: người kể là nhân vật "tôi". Nhân một chuyến về thăm người bạn cũ ở một vùng nông thôn, "tôi" có cơ hội chứng kiến cảnh "chứa hàng xóm" tại nhà bạn; nhờ đó mà "tôi" có dịp chứng kiến tận mắt "nghệ thuật băm thịt gà" của anh mõ làng. àTác dụng của ngôi kể thứ nhất: Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất đáp ứng yêu cầu cốt lõi của thể loại phóng sự, đó

- Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	là tính chân thực – sự xác thực và độ tin cậy của thông tin. - Giọng điệu: Giọng điệu hài hước, châm biếm, phê phán sâu cay. àNhững yếu tố tạo nên giọng điệu của bài phóng sự: + Lối quan sát, ghi chép tỉ mỉ, chân thực đã khái quát, châm biếm một hiện tượng điển hình của xã hội nông thôn Việt Nam xưa. + Cách miêu tả và xây dựng nhân vật anh mõ làng thuần thục, điêu luyện trong việc băm thịt gà bằng cái nhìn khách quan nhưng có ý nghĩa phê phán sâu sắc. + Cách sử dụng ngôn ngữ miêu tả cùng với những lời trữ tình ngoại đề đầy thán phục nhưng không phải là lời ngợi ca tài năng và nghệ thuật mà là lời châm biếm về hủ tục chia phần rất nặng nề ở làng quê Việt Nam xưa. ***Thủ pháp miêu tả:*** Thể hiện ở việc khắc hoạ cụ thể khung cảnh "chứa hàng xóm", bao gồm: + Miêu tả cảnh mọi người đến nhà Lăng Vân dự lệ làng khi trời sáng rõ: khung cảnh náo nhiệt, tấp nập với cảnh già trẻ ngồi kín giường phản, tiếng giao việc của những người bề trên,.. + Miêu tả cảnh anh mõ làng chia cỗ và băm thịt gà sau khi "hàng xóm đã đến đông đủ" với nghệ thuật băm thịt gà điêu luyện. ***Tác dụng của việc sử dụng kết hợp thủ pháp trần thuật và miêu tả:** + Việc đan xen giữa miêu tả, tự sự và ngôn ngữ đối thoại giúp đoạn trích trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, thu hút sự chú ý của người đọc. + Qua đó, góp thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm: Phê phán những tục lệ nhiêu khê ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng. **c. Chi tiết nghệ thuật** Đoạn trích có nhiều chi tiết để lại ấn tượng sâu đậm trong bạn đọc.

Chi tiết	Nhận xét
+ Chia lễ thành hai mươi ba phần cỗ, pha cái sỏ gà thành năm, phao gà thành bốn, băm con gà thành chín mươi hai miếng. + " Trông miếng thịt gà của hắn bốc ra góc mâm mới đẹp làm sao! Không dập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh của con bươm bướm. Nếu để trước môi mà thổi,	à Băm thịt gà như thực hành một nghệ thuật – việc làm đã quen từ nhiều đời.

	có thể bay được mười thước.”	
	+ Sự chứng kiến của đông đảo chức sắc và hàng xóm.	à Phản ánh hiện thực “một miếng giữa làng”, một tệ nạn của nông thôn Việt Nam xưa.
	+ “ Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ”.	à Thể hiện giọng điệu giễu cợt, châm biếm, đả kích của tác giả.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn: - *Cách anh mõ làng băm thịt gà trong cuộc chia cỗ phản ánh hiện thực gì ở nông thôn Việt Nam xưa?* - *Rút ra thông điệp ý nghĩa từ văn bản.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, thảo luận theo bàn. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - GV gọi đại diện một số HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chuẩn kiến thức	**2. Bức tranh hiện thực ở nông thôn được phản ánh trong văn bản và thông điệp rút ra** - **Bức tranh hiện thực ở nông thôn được phản ánh:** phản ánh tập tục chia phần khủng khiếp ở nông thôn Việt Nam xưa “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” **à** Cái nhìn chân thực của tác giả về hiện thực xã hội nông thôn VN trước 1945 → Tính chiến đấu: phản bác nhận thức sai lệch bởi những hủ tục nặng nề. - **Thông điệp:** + Không nên để những hủ tục ảnh hưởng đến đời sống của con người. + Cần có những thái độ và hành vi đúng đắn để mộ mặt nông thôn mới ngày càng phát triển, không còn những “nghệ thuật” và “nghệ sĩ” phi lý, phản cảm.

Nhiệm vụ 4. Tổng kết

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Rút ra chủ đề tư tưởng của văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà”. - Hãy khái quát những đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự qua văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà”. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn, nhóm. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**IV. Tổng kết** **1. Chủ đề** - Phản ánh hiện thực chia phần và quan niệm “một miếng giữa làng” ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phê phán, lên án những hủ tục, quan niệm lạc hậu đã đẩy người dân vào tình cảnh khốn khổ. **2. Một số đặc điểm của phóng sự qua văn bản *Nghệ thuật băm thịt gà*** - Tính thời sự: Tác giả đã tái hiện một hiện tượng diễn ra trong đời sống nông thôn Việt Nam thời bấy giờ, qua đó tác động đến nhận thức của con người trong xã hội đương thời. - Tính xác thực: Thể hiện qua việc ghi chép chân thực những chi tiết, thời gian, địa điểm,... đặc biệt là việc ghi chép tại chỗ cảnh băm thịt gà. - Tính thẩm mĩ: Thể hiện dấu ấn phong cách cá nhân của tác giả trong việc miêu tả sự việc và nhân vật; sử dụng ngôn ngữ và những lời trữ tình ngoại đề giàu hình ảnh, cảm xúc,... tạo hứng thú cho người đọc.

Nhiệm vụ 5. Rút ra cách đọc hiểu thể loại phóng sự

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Rút ra những lưu ý về cách đọc hiểu thể loại phóng sự. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi theo cặp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi 1-2 HS trả lời. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**V. Cách đọc hiểu thể loại phóng sự** 1. Nhận biết được tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh ra đời. 2. Nhận biết được nội dung ghi chép, chủ thể trần thuật. 3. Hiểu được cái nhìn, quan điểm riêng của chủ thể trần thuật thể hiện qua nội dung văn bản. 4. Dùng liên tưởng, tưởng tượng và kiến thức xã hội để hình dung về bối cảnh ra đời, nội dung phản ánh, yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản. 5. Phân tích những sự kiện được tái hiện gắn liền với góc nhìn, thái độ và đánh giá của người viết. 6. Chỉ ra và nêu được tác dụng của tính phi hư cấu, sự kết hợp giữa miêu tả và trần thuật trong văn bản. 7. Liên hệ, kết nối vốn hiểu biết của bản thân để áp dụng vào đọc hiểu ý nghĩa của văn bản và rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Thực hiện viết kết nối đọc.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản "*Nghệ thuật băm thịt gà*" mà bạn tâm đắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
- GV cung cấp rubric đánh giá cho HS.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
Nội dung	Cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản "*Nghệ thuật băm thịt gà*"	
	*Giới thiệu vấn đề nghị luận. HS có thể chọn lựa một trong các vấn đề nghị luận sau: + Câu chuyện về lệ làng; + Cảnh băm thịt gà của người mõ làng; + Cách quan sát, ghi chép tại chỗ; + Nghệ thuật miêu tả nhân vật; + Giọng điệu hài hước, châm biếm,; ...	**1**
	*Nêu cảm nhận về khía cạnh nội dung/ nghệ thuật của văn bản:	**7**

	- Phân tích làm rõ khía cạnh đó thể hiện trong văn bản. - Đưa ra ý nghĩa của khía cạnh đó trong việc làm nên giá trị của bài phóng sự.	
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào rubric đánh giá.
- HS tự kiểm tra mức độ đạt yêu cầu của đoạn văn của mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Đoạn văn tham khảo:

Đọc văn bản "Nghệ thuật băm thịt gà" của Ngô Tất Tố, người đọc đặc biệt ấn tượng với cảnh băm thịt gà của người mõ làng. Với giọng điệu hài hước, châm biếm cùng tài quan sát, ghi chép tại chỗ một cách chân thực, tỉ mỉ, nhà văn đã tái hiện cho người đọc cảnh băm thịt gà có một không hai. Công việc băm thịt gà vốn bình thường đến tầm thường, giờ đây được nâng lên thành "nghệ thuật". Có lẽ người đọc cũng sẽ chung cảm xúc với nhân vật "tôi" khi chứng kiến cảnh chia cỗ của nhân vật Mới – người mõ làng với kinh nghiệm ba đời làm cỗ làng. Các câu văn miêu tả chi tiết, chân thực cảnh băm thịt gà của anh mõ làng khiến người đọc không khỏi bất ngờ: chia lễ chỉ có một con gà, một mâm xôi thành những hai mươi ba phần cỗ, pha cái sỏ gà thành năm, phao gà thành bốn, băm con gà thành chín mươi hai miếng; "*Trông miếng thịt gà của hắn bốc ra góc mâm mới đẹp làm sao! Không dập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh của con bươm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước*." Cái cách băm thịt gà đã thành "nghệ thuật" của anh mõ làng cho thấy anh đã thực hành công việc này không biết bao nhiêu lần đến mức thành thạo, điêu luyện. Đó là minh chứng cho việc lệ làng chính là một tệ nạn, do những kẻ có chức sắc bày đặt ra. Chính vì miếng ăn, vì cái sự chia phần nhiêu khê ấy mà nhiều người dân nghèo phải khổ sở chạy vạy, vay mượn cho những cuộc "chứa hàng xóm". Qua giọng điệu, những lời nhận xét và cách miêu tả rất chi tiết việc băm thịt gà, người kể chuyện đã thể hiện thái độ phê phán của mình đối với một "việc làng" đầy phiền toái. Tái hiện cảnh chia cỗ của người mõ làng, Ngô Tất Tố phần nào phơi bày bức tranh hiện thực nông thôn Việt Nam trước cách mạng với những hủ tục nhiêu khê, quái gở, đẩy người dân quê vào cảnh cùng quẫn và tạo cơ hội cho bọn cường hào, địa chủ những nhiễu dân lành.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, cảm nhận của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

1. Theo em, những nội dung được đề cập trong văn bản "Nghệ thuật băm thịt gà" (Ngô Tất Tố) có còn ý nghĩ với thực tiễn hiện nay không?

2. Cần làm gì để xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong cuộc sống hiện đại ngày nay?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ độc lập, sau đó chia sẻ cặp với bạn bên cạnh, rồi chia sẻ với cả lớp theo hình thức vòng tròn.
- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét, định hướng cho HS.

Gợi ý trả lời

NV1. Hiện nay, một số thú tục quá lạc hậu và quái gở như cảnh "chứa hàng xóm" trong tác phẩm hầu như không còn tồn tại ở các vùng quê Việt Nam nữa. Tuy nhiên ở một số vùng quê vẫn còn những "lệ làng" như: tục thách cưới; thói chia phần cỗ đám cưới; thói khoe khoang (xây nhà mình phải to hơn nhà hàng xóm); nạn chè chén mỗi dịp ma chay;.. Do vậy, văn bản "Nghệ thuật băm thịt gà" (Ngô Tất Tố), với lối viết châm biếm nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay vẫn như một lời nhắc nhở chúng ta cần nhận ra và thể hiện thái độ, hành vi đúng đắn trước những hủ tục ở Việt Nam, để bộ mặt nông thôn mới ngày càng phát triển, không còn những "nghệ sĩ" và "nghệ thuật" phi lí, phản cảm như thiên phóng sự đã phơi bày.

NV2. Để xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong cuộc sống hiện đại, cần thực hiện một số biện pháp sau:

- **Nâng cao nhận thức cộng đồng:**
  + Giáo dục và tuyên truyền là phương pháp quan trọng nhằm giúp mọi người hiểu được những tác hại của hủ tục lạc hậu.
  + Giúp mọi người phân biệt giữa các phong tục mang giá trị văn hóa cực và các truyền thống lạc hậu. Những hủ tục không còn phù hợp cần được thay đổi hoặc loại bỏ, trong khi vẫn giữ bản sắc văn hóa tốt đẹp.
- **Thực thi luật và chính sách:** Cấm hành động và thực hiện nghiêm túc các chính sách cấm đoán hoặc hạn chế những hủ tục liên tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội, đặc biệt là liên quan đến quyền con người và bình đẳng giới.
- **Nâng cao vai trò của người đứng đầu cộng đồng:** Các lãnh đạo, trưởng làng hoặc những người có uy tín cần làm gương và tiên phong trong loại bỏ các hủ tục. Sự thay đổi từ những người có tầm ảnh hưởng sẽ tạo ra sức lan tỏa lớn.
- **Tăng cường phát triển kinh tế - xã hội:** Khi đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, con người sẽ dễ dàng tiếp nhận lối sống văn minh và loại bỏ những quan niệm cũ kĩ, không phù hợp với thực tế hiện đại .

  Những giải pháp này, nếu được thực hiện đồng bộ và triển khai, sẽ góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững, tiến bộ và giàu tính nhân văn.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng thể loại, đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Bước vào đời* (Đào Duy Anh)

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:70,71,72

VĂN BẢN 2: BƯỚC VÀO ĐỜI

(Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm*)
- Đào Duy Anh -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy Đọc, giúp HS:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hồi kí thể hiện trong văn bản *Bước vào đời* của tác giả Đào Duy Anh: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết. Qua đó, HS nhận thức được bối cảnh chính trị, xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX và hoài bão của tầng lớp thanh niên trên hành trình đi tìm con đường sự nghiệp của cá nhân.

- HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm hồi kí (tính phi hư cấu; hiện thực được phản ánh; ý nghĩa của văn bản và bài học với người tiếp nhận;…)

- HS vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.

2. Phẩm chất. Biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về những lí tưởng cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe video về việc chọn trường đại học của các bạn HS.

https://www.youtube.com/watch?v=IMBgz4P0-Ck

- Trả lời câu hỏi: *Qua video, em hãy cho biết việc chọn ngành nghề học trong tương lai của các bạn trẻ thường chịu tác động bởi những yếu tố nào?*

Bước 2+3: Thực hiện và báo cáo kết quả

- HS xem video, trả lời câu hỏi của GV
- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS và định hướng.

Việc chọn nghề nghiệp của các bạn trẻ có thể chịu tác động từ những yếu tố sau: đam mê, hoài bão của cá nhân; xu hướng của xã hội; những tấm gương thành công đi trước;...

- GV dẫn vào bài:

Trong giai đoạn "bước vào đời", việc định hướng tương lai của mỗi cá nhân thường chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, có thể là gia đình, môi trường học tập, xu hướng xã hội hay từ chính bản thân mỗi người với những ước mơ, hoài bão riêng.

Đối với học giả Đào Duy Anh, chỉ một cuộc gặp gỡ với nhà yêu nước Phan Bội Châu đã quyết định đến cả cuộc đời ông. Điều đó đã được học giả chia sẻ trong trích đoạn hồi kí "*Bước vào đời*" (trích *Nhớ nghĩ chiều hôm*).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học của tác giả Đào Duy Anh; hoàn cảnh ra đời, nội dung chính của tác phẩm "Nhớ nghĩ chiều hôm".

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

***Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS báo cáo thông tin tìm hiểu về tác giả - tác phẩm theo hình thức sau:

+ PP đóng vai để phỏng vấn: Phóng viên – học giả Đào Duy Anh.

+ Hoàn thiện bảng kiến thức sau vào trong vở

<table>
<tr><td>Tác giả Đào Duy Anh</td><td>Năm sinh – mất ... Quê quán...</td><td>Vị trí, vai trò...</td><td>Các tác phẩm tiêu biểu ...</td></tr>
<tr><td>Tác phẩm Nhớ nghĩ chiều hôm</td><td>Thể loại ...</td><td>Năm sáng tác...</td><td>Nội dung chính: ...</td></tr>
</table>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đóng vai.
- HS hoàn thiện bảng kiến thức
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chốt kiến thức

</td><td>

I. Đọc và tìm hiểu chung

1. Tác giả và tác phẩm

<table>
<tr><td>Tác giả Đào Duy Anh </td><td>- Năm sinh – năm mất: 1904-1988
- Quê ở tỉnh Thanh Hóa,</td><td>- Là học giả có những đóng góp quan trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu.
- Ông được xem là người đặt nền móng cho ngành Khoa học Lịch sử, Khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam.</td><td>Tác phẩm tiêu biểu: Hán Việt từ điển giản yếu (1932), Việt Nam văn hóa sử cương (1938)…</td></tr>
<tr><td>Tác phẩm Nhớ nghĩ chiều hôm</td><td>Thể loại: Hồi kí</td><td>- Viết xong năm 1972, hoàn chỉnh năm 1974.</td><td>Nội dung chính: thuật lại những chặng đường chính trong cuộc đời hoạt động chính trị, văn hóa, khoa học của học giả Đào Duy</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

				Anh, đồng thời chứa đựng nhiều suy tư, trăn trở của tác giả về mối quan hệ giữa giới trí thức Việt Nam với dân tộc, về sứ mệnh của thanh niên với tương lai đất nước

***Hướng dẫn HS đọc và tóm tắt văn bản "Bước vào đời"** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** ***GV hướng dẫn HS đọc VB.** - GV lưu ý về cách đọc VB hồi kí: đọc to rõ ràng, chú ý các tên riêng, các mốc thời gian. - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó yêu cầu một vài HS đọc đọc tiếp. - GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thẻ chiến lược đọc ở lề bên phải của VB. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó. *** Yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau:** - *Nêu vị trí của văn bản.* - *Nêu nội dung khái quát của văn bản.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB. - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu. - HS thực hiện. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Đại diện 1 số HS đọc VB. - Các HS khác nhận xét. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chuẩn hóa kiến thức.	**2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản** **a. Đọc VB, tìm hiểu chú thích** **b. Vị trí:** Thuộc phần đầu của cuốn hồi kí "Nhớ nghĩ chiều hôm". **c. Nội dung khái quát**: Kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn "bước vào đời" của tác giả Đào Duy Anh.

Nhiệm vụ 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong VB hồi kí.
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong thời gian **5 phút:** -GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm **Nhóm 1.** Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. **Làm rõ những vấn đề sau:** **1.** Xác định bối cảnh đời sống chính trị - xã hội Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích. **2.** Nêu tên các nhân vật lịch sử và sức ảnh hưởng của các nhân vật ấy đối với những thanh niên giàu tính dân tộc được thể hiện trong đoạn trích. **Nhóm 2.** Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. **Làm rõ những vấn đề sau:** **1.** Tìm hiểu những kí ức của tác giả về hoài bão "bước vào đời" bằng cách hoàn thành bảng sau: Những kí ức | Biểu hiện Xuất phát điểm của nhân vật "tôi" | Việc tiếp xúc với các thông tin | Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu | Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh | 2. Theo em, điều gì đã thôi thúc tác giả hành động vì hoài bão? 3. Nêu tác dụng của tính phi hư cấu trong văn bản. **Nhóm 3.** Tìm hiểu thủ pháp trần thuật trong VB. **Cần làm rõ những vấn đề sau:** 1. Tác giả kể lại câu chuyện theo ngôi kể và điểm nhìn nào? 2. Nêu tác dụng của việc lựa chọn	**III. Khám phá văn bản** **1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại hồi kí qua văn bản** **1.1. Tính phi hư cấu của thể loại hồi kí** **a. *Tính phi hư cấu được thể hiện trong văn bản*** ***Bối cảnh thời đại được tái hiện:** Một giai đoạn lịch sử; đời sống chính trị xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX. * **Những nhân vật mang dấu ấn lịch sử:** Đoạn trích đã nhắc đến Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, đặc biệt là sự xuất hiện của Phan Bội Châu tại trụ sở Hội Quảng tri. Những sự kiện gắn với hai nhân vật lịch sử này đã có tác động sâu sắc đến suy nghĩ, sự lựa chọn và hành động của đông đảo tầng lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc, trong đó có Đào Duy Anh. * **Những kí ức của tác giả về hoài bão bước vào đời:** **Kí ức của tác giả** | **Biểu hiện** | **Nhận xét** Xuất phát điểm của nhân vật "tôi" | Dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình, trong bầu không khí "êm đềm uể oải"; mong muốn một nơi có sinh hoạt văn hoá rộng rãi hơn. | Bản thân tác giả đã mang trong mình hoài bão làm những việc lớn lao, lại được sống trong một thời đại có nhiều sự kiện tác động đến đời sống chính trị lúc bấy giờ, đó là động lực dẫn đến những quyết định trọng đại trong cuộc đời của tác giả Việc tiếp xúc với các thông tin | Qua báo chí, với những tin tức về các sự kiện lớn liên quan đến các nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) đã đem đến một luồng suy nghĩ mới cho tác giả. | Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu | Những ấn tượng, cảm xúc từ bài phát biểu của cụ Phan dẫn đến quyết định thay đổi cuộc đời của nhân vật "tôi": "quyết định đi Sài Gòn để viết báo". | Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh | Những lời ca tụng trong bài *Văn tế cụ Phan Châu Trinh* càng thúc giục tác giả làm những điều cao cả theo tấm gương của những nhà cách mạng. |

điểm nhìn của người viết.

Nhóm 4. Tìm hiểu yếu tố miêu tả, bi trong VB.
Cần làm rõ những vấn đề sau:
1. Chỉ ra một số yếu tố miêu tả, bi được sử dụng trong VB.
2. Nêu vai trò của yếu tố miêu tả, bi trong việc giúp tác giả tái hiện kí ức giai đoạn đã qua của cuộc đời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Các nhóm thảo luận theo định hướng, hoàn thành các PHT.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm.
- Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.
Bước 4: Kết luận, nhận định
- GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.

b. *Tác dụng của việc sử dụng tính phi hư cấu*
+ Làm sống lại những kí ức chân thật về một đoạn đời của người viết hoặc của lịch sử đất nước, dân tộc.
+ Tác giả chủ động bố trí, sắp xếp sự kiện theo mạch truyện và điểm nhìn để tăng tính hấp dẫn.
1.2. Một số thủ pháp nghệ thuật
a. Thủ pháp trần thuật
- **Sự kiện chính**: Kí ức về giai đoạn "bước vào đời" của tác giả.
- **Người kể chuyện:** ngôi thứ nhất, người kể xưng "tôi", trực tiếp kể lại hồi ức về sự thay đổi tư duy và hành động của bản thân dưới sự tác động của thời cuộc và tấm gương các nhà cách mạng chân chính.
- **Điểm nhìn của tác giả khi kể câu chuyện:**
+ Điểm nhìn cá nhân: Tái hiện dòng hồi ức của nhân vật tôi về các sự kiện lớn đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cuộc đời mình.
+ Điểm nhìn thời đại: Tái hiện bối cảnh chính trị sôi động ở Việt Nam đầu thế kì XX, suy nghĩ và hành động của lớp trí thức trước các vấn đề quan trọng của quốc gia, dân tộc.
- **Tác dụng:**
+ Vấn đề được soi chiếu từ nhiều góc độ, vừa có sự chi tiết, chân thực của cảm nhận cá nhân, vừa có sự khách quan, thuyết phục từ bối cảnh xã hội và các nhân vật lịch sử có thật.
+ Từ điểm nhìn của người kể, người đọc hình dung rõ nét sự trưởng thành trong tư tưởng và hành động của cá nhân, của thế hệ thanh niên, đặc biệt là tầng lớp trí thức dưới sự tác động của thời đại. Sự lựa chọn của nhân vật "tôi" phản ánh suy tư, khát vọng và sự lựa chọn của thế hệ trước sự thôi thúc tự thân và hoàn cảnh xã hội đương thời.
b. Sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm

Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò
Miêu tả	- Nói về cảnh sinh hoạt tại trụ sở Hội Quảng tri ở phần đầu văn bản. - Thể hiện tập trung ở đoạn văn nói về sự kiện Phan Bội Châu đến dự cuộc tiếp đón tại địa điểm nêu trên.	- Tạo ấn tượng về các sự việc, nhân vật; tạo chất văn cho những hồi ức được kể lại; đem đến cảm xúc và sức hấp dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản. - Giúp người đọc cảm

		Biểu cảm	- Kết hợp với yếu tố miêu tả về Phan Bội Châu. - Đoạn văn cuối nói về cảm xúc của tác giả khi nghe những câu văn trong bài *Văn tế cụ Phan Châu Trinh.*	trí thức gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận trong cặp đôi: ? *Qua đoạn trích, em rút ra bài học gì về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, thảo luận theo bàn. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - GV gọi đại diện một số HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chuẩn kiến thức	**2. Bài học – Thông điệp từ văn bản** ***Bài học về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời:** - Đối tượng lựa chọn không chỉ đơn giản là một nghề nghiệp, một công việc mà còn là một lí tưởng, một hướng đi đúng đắn. Điều này thể hiện ý thức của cá nhân trong cộng đồng, trách nhiệm của một công dân với đất nước. - Trách nhiệm của mỗi người trẻ với tư cách là một thanh niên thế hệ mới: + Mỗi người cần suy nghĩ đến con đường mình sẽ đi để có những cống hiến cho đất nước. + Cần không ngừng rèn luyện, hoàn thiện bản thân mỗi ngày cả về thể lực, đạo đức, trí tuệ. + Luôn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tránh để đối tượng xấu dụ dỗ, lôi kéo. ...

Nhiệm vụ 3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Hãy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. + Nêu cách đọc hiểu một tác phẩm hồi kí **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo** HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** - Kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn "bước vào đời" của tác giả Đào Duy Anh, qua đó người đọc thấy được khao khát của lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc lúc bấy giờ. - Đem đến cho người đọc, nhất là những người trẻ bài học quý giá khi đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời. **2. Nghệ thuật** - Tính phi hư cấu. - Sự kết hợp giữa thủ pháp trần thuật và yếu tố miêu tả, biểu cảm. **IV. Cách đọc hiểu hồi kí nói chung** 1. Biết được tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh sáng tác và vị trí đoạn trích.

	2. Xác định nội dung ghi chép, chủ thể trần thuật. 3. Hình dung về bối cảnh ra đời, nội dung phản ánh, trần thuật, miêu tả, biểu cảm. 4. Phân tích hình tượng người trần thuật để hiểu rõ những sự kiện được tái hiện gắn liền với góc nhìn, thái độ và đánh giá của người viết. 5. Chỉ ra được tính phi hư cấu của văn bản. Phân tích được tác dụng của sự kết hợp giữa miêu tả và trần thuật. 6. Đọc hiểu ý nghĩa văn bản và rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: HS viết tích cực.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ: Từ nội dung văn bản "Bước vào đời" và những trải nghiệm cá nhân, bạn hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: *Khát vọng của tuổi trẻ hôm nay*.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh) .
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Kết luận, nhận định
- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bạn về khát vọng của tuổi trẻ hôm nay từ những cảm nhận, liên tưởng qua việc tìm hiểu văn bản *"Bước vào đời"*.	
	+ Cảm nhận về những khát khao của lớp thanh niên được đề cập trong văn bản.	**2**
	+ Cảm nhận về bối cảnh mới và những đòi hỏi của thời đại đối với lớp thanh niên hiện nay.	**3**
	+ Nêu những thông điệp và bài học đối với cá nhân về việc lựa chọn hướng đi, lựa chọn lí tưởng sống.	**3**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Đoạn văn tham khảo

Tìm hiểu văn bản "Bước vào đời" của Đào Duy Anh, chúng ta không thôi trăn trở về khát vọng của tuổi trẻ hôm nay. Thông qua câu chuyện của chính mình, tác giả Đào Duy Anh đã kể lại hành trình đi tìm lí tưởng, thực hiện khát vọng cũng là hành trình trưởng thành của người trí thức gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia dưới sức ảnh hưởng to lớn của yếu tố thời đại, các nhà yêu nước cách mạng. Có thể thấy, khát vọng chính là ngọn lửa thôi thúc mỗi người vượt qua giới hạn bản thân để vươn tới những tầm cao mới. Trong thời đại hiện đại, khi công nghệ phát triển mạnh mẽ và thế giới ngày càng hội nhập, chúng ta sống giữa vô vàn cơ hội và thách thức. Chúng ta được thừa hưởng những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến, học tập và trưởng thành trong môi trường hiện đại. Tuy nhiên, chúng ta cũng đối mặt với nhiều khó khăn như áp lực học tập, vấn đề việc làm và những cám dỗ của xã hội. Vì vậy, khát vọng của tuổi trẻ hôm nay là được học tập, rèn luyện và cống hiến cho xã hội. Khát vọng của tuổi trẻ hiện nay không chỉ là ước mơ thành công cá nhân mà còn là trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng và đất nước. Tuổi trẻ ngày nay mang trong mình tinh thần sáng tạo, ý chí kiên cường và mong muốn khẳng định giá trị của chính mình. Từ công việc theo đuổi tri thức, rèn luyện kĩ năng đến tham gia các hoạt động xã hội, thế hệ trẻ đang từng bước xây dựng nền móng vững chắc cho tương lai. Chính khát vọng ấy là động lực giúp họ vượt qua khó khăn, biến ước mơ thành hiện thực và viết nên câu chuyện đầy cảm hứng cho cuộc đời mình. Hãy để chính khát vọng của tuổi trẻ dẫn dắt chúng ta đến thành công, góp phần xây dựng một Việt Nam ngày càng giàu mạnh và văn minh.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, cảm nhận của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Tìm xem các video hoặc đọc các bài viết của một nhân vật nổi tiếng chia sẻ về những trải nghiệm của bản thân khi đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời.
- Ghi lại câu chuyện của nhân vật nổi tiếng đó, chia sẻ với các bạn trong lớp và rút ra thông điệp/ bài học cho bản thân.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS tìm hiểu các video hoặc đọc các bài viết của một nhân vật nổi tiếng theo yêu cầu của GV.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ câu chuyện cùng những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những câu chuyện HS chia sẻ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- **Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt:** *Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.*

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

THỰC HÀNH ĐỌC

Tiết:

VĨ TUYẾN 17
(Trích *Gánh gánh ...gồng gồng...*, Xuân Phượng)

I. MỤC TIÊU
1. Năng lực
a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:
- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy đọc, giúp HS:
- Rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản hồi kí theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;…
- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Nắm được những kiến thức về tác giả Xuân Phượng và đoạn trích hồi kí *Vĩ tuyến 17*.

2. Phẩm chất
Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết đinh, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG
a. Mục tiêu:
- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS xem đoạn trích video từ bộ phim tài liệu "**Vĩ tuyến 17 – Chiến tranh nhân dân**" của đạo diễn Giô-rít I-ven (Từ 1p45 đến 5:00)
https://www.youtube.com/watch?v=qdU2ViYT8mg&t=967s
- *Video đã đưa chúng ta đến với địa danh nào? Khung cảnh và cuộc sống người dân ở đó có gì đặc biệt?*
- Hãy tưởng tượng: *Em là một người dân sống ở đó vào những năm tháng chiến tranh. Khi đó, tâm trạng, cảm xúc của em sẽ như thế nào?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 - 4 HS trả lời.
Bước 4: Kết luận, nhận định: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Chiến tranh vốn không phải là mong muốn của nhân loại chúng ta. Thế nhưng, trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, vẫn sẽ xảy ra những sự kiện lịch sử mà loài người không mong muốn. Những thước phim trong bộ phim tài liệu "**Vĩ tuyến 17 – Chiến tranh nhân dân**" của đạo diễn Giô-rít I-ven mà các em vừa xem đã tái hiện chân thực những ảnh hưởng kinh hoàng của chiến dịch ném bom của Mỹ đối với người dân Việt Nam, vốn chủ yếu là nông dân. Bộ phim đã gây được tiếng vang lớn trên thế giới, để thế giới hiểu rõ hơn về những tội ác của giặc Mỹ trên đất nước Việt Nam và tinh thần chiến đấu kiên cường của con người Việt Nam trước kẻ thù.

Vậy bộ phim tài liệu đó ra đời trong hoàn cảnh cụ thể nào? Để có những thước phim chân thực mà chúng ta xem hôm nay, Đoàn làm phim đã phải trải qua những khó khăn, thử thách gì? Hôm nay cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu phần nào qua văn bản hồi kí ***"Gánh gánh...gồng gồng..."*** của tác giả Xuân Phượng.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Xuân Phượng và văn bản *Vĩ tuyến 17.*

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác phẩm. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần):	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** **1. Tác giả Xuân Phượng** - Tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Phượng, sinh năm 1929 - Quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế - Là đạo diễn, nhà văn, từng tham gia kháng chiến và tham gia hoạt động ở rất nhiều lĩnh vực (tuyên huấn, bác sĩ, làm quân giới, phiên dịch viên tiếng Pháp, làm báo, phóng viên chiến trường, đạo diễn phim tài liệu,..) **2. Văn bản "Vĩ tuyến 17"** **a. Thể loại:** Hồi kí **b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** - Trích trong hồi kí "*Gánh gánh...gồng gồng*". - Hồi kí viết về cuộc đời của tác giả Xuân Phương, từ khi bà còn là học sinh trường Quốc học Huế cho đến thời điểm cuốn sách được xuất bản (năm 2000). **c. Nội dung văn bản** Văn bản "Vĩ tuyến 17" đã tái hiện một hành trình đầy gian khổ và ý nghĩa của đoàn làm phim Việt Nam khi thực hiện bộ phim tài liệu về cuộc sống của người dân Vĩnh Linh trong chiến tranh.

Nhiệm vụ 2. Hướng dẫn HS thực hành đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết được một số yếu tố của hồi kí qua đọc hiểu văn bản *Vĩ tuyến 17*: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, các yếu tố không gian, thời gian, mối liên hệ của người viết với sự việc được kể lại, thái độ và đánh giá của người viết;...
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS thực hành đọc bằng việc hoàn thành các Phiếu học tập sau. GV có thể cho HS tự thực hành đọc tại nhà hoặc thực hành trên lớp. Nếu thực hành đọc trên lớp, có thể chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong thời gian **5 phút:** -GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm **Nhóm 1 +2.** Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. **Làm rõ những vấn đề sau:** **1.** Xác định yếu tố thời gian, không gian trong VB. **2.** Nêu hiện thực đời sống lịch sử - xã hội được phản ánh qua văn bản. **3.** Nhận xét mối quan hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại. **Nhóm 3 + 4.** Tìm hiểu một số thủ pháp nghệ thuật của văn bản. **Cần làm rõ những vấn đề sau:** 1. Tác giả kể lại câu chuyện theo ngôi kể và trình tự nào? 2. Chỉ ra và nêu vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong việc giúp tác giả tái hiện hiện thực đời sống – xã hội và những cảm xúc cá nhân của tác giả. 3. Nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện các sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với tác giả. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng, hoàn thành các PHT. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. - Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp. **Bước 4: Kết luận, nhận định**	**III. Thực hành đọc VB** **1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại hồi kí qua văn bản** **1.1. Tính phi hư cấu của thể loại hồi kí** *** Thời gian:** - Bối cảnh câu chuyện diễn ra vào những năm 1960, đặc biệt là năm 1967, khi cuộc chiến đang đi vào giai đoạn đặc biệt ác liệt giữa Việt Nam và đế quốc Mỹ tại vĩ tuyến 17. - Trong văn bản, tập trung vào hành trình 28 ngày mà đoàn làm phim tài liệu di chuyển quãng đường trên một ngàn cây số Hà Nội – Vĩnh Linh (Quảng Trị). *** Không gian:** - Không gian chính: Không gian chiến trường ác liệt từ Hà Nội vào Vĩnh Linh (Quảng Trị), gắn với những con đường lổn nhổn hố bom cày, những con hào chiến đấu, những hầm trú ẩn, những hang đá ẩn náu, những con đèo,... - Ngoài ra còn có không gian ở Phủ Chủ Tịch *** Hiện thực đời sống lịch sử - xã hội được phản ánh qua văn bản** Tác phẩm đã góp phần tái hiện một cách chân thực, sinh động hiện thực đời sống lịch sử - xã hội của người dân Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước. - Phản ánh hiện thực chiến tranh vô cùng khốc liệt tại vĩ tuyến 17: Hiện thực này được phản ánh qua những chi tiết đầy sức ám ảnh trong văn bản: + những trận bom bi dội xuống những con đường, những tiếng nổ chát chúa, những tia chớp xanh lét, những ánh sáng xanh ma quái của pháo sáng,...; + cảnh chạy xe trong đêm tối của đoàn làm phim ngày nghỉ đêm đi, cảnh vượt phà trên sông,...; + cảnh bị thương của những đồng chí trong đoàn làm phim bởi bom bi, va chạm xe trên những con đường chằng chịt hố bom,... - Văn bản còn cho thấy sự kiên cường, ý chí chiến đấu của những người trong đoàn làm phim vượt lên trên những khó khăn và đau thương mà họ phải trải qua cùng tinh thần đoàn kết của quân dân ta: Dù con đường từ Hà Nội vào Vĩnh Linh cái chết luôn rình rập đoàn làm phim nhưng họ quyết không lùi bước. Tinh thần của những người trong đoàn làm phim được thể hiện rõ nhất trong lời tổng kết của đồng chí Phi Hùng thuộc Xưởngphim Giao thông vận tải ở cuối VB. Từ Bộ chính trị cho đến Ủy ban địa phương, nhân dân địa phương đều tạo điều kiện hết mức, cố gắng đảm bảo an toàn cho 2 nhà làm phim Hà Lan. Sau những phút đối diện giữa sự sống và cái chết, họ có thể cùng nhau thưởng thức một bát chè xanh, một viên kẹo đường, một điếu thuốc lá. *** Mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc:** - Người ghi chép:

- GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.

+ Là một nhà văn, nhà báo trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh.
+ Có mặt trực tiếp ở chiến trường, chứng kiến những sự kiện lịch sử quan trọng.
- Mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại: Tác giả không chỉ là người ghi chép mà còn là nhân chứng của những sự kiện được kể lại trong tác phẩm. Bà có mối liên hệ mật thiết với những gì diễn ra, vừa là người quan sát, vừa là người trải nghiệm, người ghi chép lại. Do đó, những sự việc trong văn bản được hiện lên vô cùng chân thực, khách quan.

1.2. Một số thủ pháp nghệ thuật

a. Thủ pháp trần thuật

- **Sự kiện chính**: Tái hiện hành trình đầy gian khổ và ý nghĩa của đoàn làm phim Việt Nam khi thực hiện bộ phim tài liệu về cuộc sống của người dân Vĩnh Linh trong chiến tranh.
- **Người kể chuyện:** ngôi thứ nhất, người kể xưng "tôi", vừa là người chứng kiến, vừa là người kể lại các sự việc.
- **Trình tự trần thuật**: Tái hiện các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian.

b. Sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm

Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò
Miêu tả	Chủ yếu là miêu tả không gian những chặng đường gian khổ với sự khốc liệt của bom đạn chiến tranh mà đoàn làm phim đã di chuyển qua, từ Hà Nội vào Vĩnh Linh. Chẳng hạn: "*vượt qua những con đường lổn nhổn hố bom cày nát, mò mẫm đi trong đêm với ánh sáng leo lắt từ một ngọn đèn nhỏ gắn ở gầm xe"; "...những đợt ánh sáng xanh ma quái khét lẹt kết hợp với tiếng gầm rú điên cuồng của đủ loại máy bay Mỹ chằng chịt xuyên qua bầu trời";...*	- Nhấn mạnh, gây ấn tượng hơn cho người đọc về các sự việc, nhân vật được kể lại; càng tô đậm hơn sự khốc liệt của chiến tranh. - Đem đến cảm xúc và sức hấp dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản.
Biểu cảm	Bộc lộ cảm xúc cá nhân của tác giả về những gì đã chứng kiến. + Sự xót xa, đồng cảm trước nỗi đau của những người trong đoàn làm phim; những mất mát mà nhân dân phải gánh chịu bởi chiến tranh. + Cảm động, tự hào trước tình cảm của quân dân, trước	

		ý chí của mọi người trước bom đạn kẻ thù. Chẳng hạn: *"Khó chịu đựng nhất, gây căng thẳng nhất và đáng sợ nhất là những đợt ánh sáng xanh ma quái. "; "Kì diệu thay tuổi trẻ, máu đã ngừng chảy",...*	

c. Chi tiết tiêu biểu

Đoạn trích có nhiều chi tiết về sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với tác giả.

- Sự việc anh quay phim Đào Lê Bình bị thương do bom bi càng, tác giả là người trực tiếp sơ cứu.
- Sự việc va chạm giữa chiếc xe Jeep chở đoàn làm phim với một chiếc xe vận tải khiến cho những mảnh kính bắn vào mặt tác giả, bà Mác-xơ-lin bị thương nặng ở chân, cả hai được khám ở một trạm quân y sâu trong rừng.
- Tác giả còn ấn tượng với lời tổng kết về những khó khăn mà đoàn làm phim đã vượt qua của đồng chí Phi Hùng thuộc Xưởng phim Giao thông vận tải.
- ..

=> Suốt dọc hành trình di chuyển gần 1 nghìn cây số cùng đoàn làm phim, điều mà tác giả ấn tượng đó là sự khốc liệt, nguy hiểm của chiến tranh với cái chết luôn thường trực; bên cạnh đó là tình người, tình đồng chí đồng đội, ý chí của tất cả mọi người.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận trong cặp đôi: ? *Em hãy nhận xét văn phong của tác giả qua văn bản.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - GV gọi đại diện một số HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chuẩn kiến thức	**2. Văn phong của tác giả** - Kết hợp tự sự với yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Sử dụng ngôn ngữ chân thực, giản dị, giàu hình ảnh, dùng nhiều từ ngữ gợi hình và các biện pháp tu từ (phép liệt kê, so sánh, điệp từ,...) - Kết hợp lời người kể chuyện và lời của các nhân vật; đan xen câu văn ngắn với các câu văn dài.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nêu cảm nhận về ý nghĩa nhan đề đoạn trích hồi kí.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi ở nhà.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.
Bước 4: Kết luận, nhận định
Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.
- Nhan đề đoạn trích hồi kí là một cụm danh từ "Vĩ tuyến 17". Đó là tọa độ địa lí mang ý nghĩa lịch sử gắn với sự kiện năm 1954, Hiệp định Geneva tạm thời chia cắt nước ta thành hai miền nam - bắc qua Vĩ tuyến 17. Sông Bến Hải, cầu Hiền Lương trở thành "nhân chứng lịch sử", mang trên mình nỗi đau chia cắt của dân tộc ròng rã hơn 20 năm. Nằm ở Vĩ tuyến 17, vùng đất Vĩnh Linh thuộc bờ bắc sông Bến Hải với vị trí "đầu sóng ngọn gió", "đứng mũi chịu sào", vừa là đầu cầu giới tuyến, vừa là tiền đồn miền bắc xã hội chủ nghĩa và là hậu phương cho chiến trường miền nam.
Như vậy, *vĩ tuyến 17 là nơi ghi dấu nỗi đau chia cắt nam - bắc gần 21 năm cũng là nơi tỏa sáng niềm tin bất diệt vào hòa bình, thống nhất của lịch sử đấu tranh bất khuất trước thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc Việt Nam*
- Trong văn bản, tác giả đã đồng hành và chứng kiến bao gian khổ, hi sinh của quân và dân ta xuyên suốt hành trình đi từ Hà Nội tới Vĩnh Linh – vùng đất nằm ở vĩ tuyến 17.
- Nhan đề ngắn gọn, giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, hé mở tư tưởng chủ đề của văn bản.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết so sánh hai tác phẩm cùng thể loại
b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu yêu cầu: Tìm đọc thêm một văn bản hồi kí khác có cùng đề tài, chủ đề. Hoàn thành Phiếu ghi chép sau:

Phiếu ghi chép về văn bản hồi kí đọc mở rộng **Tên văn bản:.....(Tác giả:.....)**		
Đối tượng	**Biểu hiện**	**Nhận xét**
Người kể chuyện		
Các yếu tố thời gian, không gian, sự kiện		
Hiện thực đời sống được phản ánh trong văn bản		
Yếu tố miêu tả, biểu cảm xuất hiện trong văn bản		
Cảm xúc cá nhân và văn phong của tác giả		
….		

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện bài tập tại nhà
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
HS kiểm tra chéo bài nhau trước khi chuyển sang bài học mới
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS tại nhà

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

RÚT KINH NGHIỆM
.....
.....
.....

Tiết:73

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:
NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Hiểu được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong đời sống.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật một cách hiệu quả trong các hoạt động giao tiếp của cá nhân

2. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.
- Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video về bài phát biểu của thủ khoa ĐH Hoa Sen (từ đầu – 3h20) https://www.youtube.com/watch?v=ayXgGTup-ps Câu hỏi: *Theo em, bài phát biểu trên mang sắc thái trang trọng hay thân mật? Lí giải.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ cá nhân và trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **Bước 4: Kết luận, nhận**	**Gợi ý** Bài phát biểu mang sắc thái vừa trang trọng, vừa thân mật: - **Sắc thái trang trọng**: thể hiện qua việc chào hỏi, thưa gửi, xin phép sử dụng cách xưng hô "mình – các bạn"; những lời chia sẻ lịch sự. Sắc thái trang trọng được quy định bởi hoàn cảnh phát biểu, ý nghĩa của bài phát biểu: đây là bài phát biểu suy nghĩ của bạn thủ khoa đại diện cho tất cả các bạn SV vừa tốt nghiệp phát biểu trong buổi lễ tốt nghiệp của nhà trường. - **Sắc thái thân mật**: Trong quá trình phát biểu, người nói xuất phát từ tư cách của một sinh viên nói với các bạn sinh viên khác để nói lên suy nghĩ, từ đó lời chia sẻ dễ khơi gợi sự đồng cảm giữa người nói và người nghe, tăng hiệu quả giao tiếp, giúp bài phát biểu dễ đi vào lòng người hơn. Sắc thái thân mật được thể hiện qua cách tạo không khí vui vẻ đầu video qua lời đùa; qua cách sử dụng từ ngữ dân dã *(...phượt thủ từ quận 2 qua quận 1...)*

định	=> Như vậy, sắc thái trang trọng hay thân mật của bài phát biểu sẽ được tạo nên bởi cách lựa chọn ngôn ngữ của người nói.

GV kết nối, dẫn vào bài mới: Trong giao tiếp, tùy vào từng hoàn cảnh giao tiếp mà người nói lựa chọn ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật, để đạt được hiệu quả giao tiếp đã đặt ra.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</th><th>SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi:
1. Theo dõi mục Tri thức Ngữ văn (tr 39/SHS) và khung “Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật” (tr 50 – 51/ SHS). Hoàn thành bảng sau:
<table>
<tr><th>So sánh</th><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr>
<tr><td>Ngữ cảnh giao tiếp</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Thái độ chủ thể; đặc điểm từ ngữ, câu được sử dụng</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Cấu trúc câu</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Tác dụng</td><td></td><td></td></tr>
</table>
2. Nêu những lưu ý trong sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận:
Bước 4. Đánh giá, kết luận
Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.
</td><td>
I. LÝ THUYẾT
1. Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật
<table>
<tr><th>Đặc điểm</th><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr>
<tr><td>Ngữ cảnh giao tiếp</td><td>Có tính nghi thức</td><td>Thường ngày</td></tr>
<tr><td>Thái độ chủ thể; đặc điểm từ ngữ, câu được sử dụng</td><td>Thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp nhận; những từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan.</td><td>Những từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận. Ở một số trường hợp đặc biệt, có thể dùng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương,...</td></tr>
<tr><td>Cấu trúc câu</td><td>Câu thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp.</td><td>Câu thường ngắn và có thể rút gọn thành phần.</td></tr>
<tr><td>Tác dụng</td><td>Đảm bảo tính lịch sự, trang trọng của cuộc giao tiếp</td><td>Làm gia tăng yếu tố tình cảm, xoá bỏ hoặc thu gọn khoảng cách giữa các đối tượng giao tiếp.</td></tr>
</table>
2. Sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật
- Có những ngữ cảnh đòi hỏi ngôn ngữ phải trung tính, không mang tính trang trọng cũng không mang tính thân mật.
- Cần căn cứ vào ngữ cảnh để lựa chọn ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật cho phù hợp. Mức độ thân mật hay trang trọng cũng cần phải được điều tiết để không vượt quá ngưỡng mà ngữ cảnh quy định.
</td></tr>
</table>

	- Trong một số tình huống giao tiếp, có thể có sự chuyển đổi linh hoạt giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, tùy thuộc vào mối quan hệ được thiết lập giữa các đối tượng giao tiếp.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3 (SHS/ tr. 50 - 51).

c. Tổ chức hoạt động

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thực hành bài tập 1(tr 50/SHS) **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** **Yêu cầu:** Nêu những dấu hiệu giúp nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong hai lời chào a, b. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận cặp đôi để trả lời. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** - GV gọi đại diện một số cặp đôi trả lời. - HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	**1. Bài tập 1 (tr 50/SHS):** Nêu những dấu hiệu giúp nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong hai lời chào: ***Lời chào a:** sử dụng ngôn ngữ trang trọng: - Ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức (giữa lãnh đạo công ty và đối tác của công ty trong lần gặp gỡ nhau). - Lời chào thể hiện thái độ xã giao. - Câu văn có đầy đủ thành phần. * **Ngữ liệu b:** sử dụng ngôn ngữ thân mật: - Ngữ cảnh giao tiếp thường ngày (bạn bè làm quen với nhau). - Lời chào thể hiện thái độ thân thiện. - Có câu được sử dụng là câu đặc biệt.
Thực hành bài tập 2 (tr50/SHS) **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** ***Yêu cầu:** Làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau về mục đích, ngữ cảnh sử dụng và đặc điểm ngôn ngữ giữa các câu trong mỗi trường hợp. ***Thảo luận nhóm: GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ:** + Nhóm 1, 2: tìm hiểu ngữ liệu trường hợp 1. + Nhóm 3, 4: tìm hiểu ngữ liệu trường hợp 2. + Nhóm 5, 6: tìm hiểu ngữ liệu trường hợp 3. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo nhóm. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện các nhóm 1, 3, 5 phát biểu. - Các HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV	**2. Bài tập 2 (tr 50/SHS):** Làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau về mục đích, ngữ cảnh sử dụng và đặc điểm ngôn ngữ giữa các câu trong mỗi trường hợp. **a.Trường hợp 1** – ***Giống nhau***: đều là quy định về việc sử dụng điện thoại trong giờ họp. – ***Khác nhau***: + Câu thứ nhất sử dụng ngôn ngữ thân mật, nêu thông tin dưới hình thức một câu hỏi để nhắc nhở người tham gia cuộc họp về việc dùng điện thoại. + Câu thứ hai sử dụng ngôn ngữ trang trọng, nêu trực tiếp quy định sử dụng điện thoại, cách phổ biến lịch sự, nghiêm túc ngay ở đầu cuộc họp. **b.Trường hợp 2** – ***Giống nhau***: giới thiệu sự xuất hiện của một nhân vật quan trọng trong hội thảo. – ***Khác nhau:*** + Câu thứ nhất dùng cách nói trang trọng, lịch sự (*xin hân hạnh giới thiệu*), giới thiệu trực tiếp (*sự có mặt của diễn giả Phạm Văn B*). + Câu thứ hai dùng ngôn ngữ thân mật, bộc lộ tình cảm của người nói khi giới thiệu (*cùng chào đón nhân vật quan trọng nhất*). **c.Trường hợp 3** - ***Giống nhau***: Thông báo một sự kiện chuẩn bị diễn

<table>
<tr>
<td>nhận xét và chuẩn kiến thức.</td>
<td>ra.
- Khác nhau:
+ Câu thứ nhất dùng ngôn ngữ thân mật, tiếng lóng (bật mí)
+ Câu thứ hai dùng ngôn ngữ trang trọng, thông báo trực tiếp (trân trọng thông báo tới toàn thể quý vị, sự kiện quan trọng sắp diễn ra ngay sau đây)</td>
</tr>
<tr>
<td><u>Thực hành bài tập 3(tr 51/SHS)</u>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
Yêu cầu: Bổ sung ví dụ về các tình huống sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật.
Thảo luận theo bàn trong 03 phút.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thảo luận trong bàn theo yêu cầu của GV.
- GV quan sát, động viên, khuyến khích.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi đại diện một số bàn phát biểu.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.
GV nhấn mạnh về vai trò của việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong thực tiễn giao tiếp</td>
<td><u>3. Bài tập 3 Tr 51/SHS):</u> Bổ sung ví dụ về các tình huống sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật.
<table>
<tr><th></th><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr>
<tr><td>Ngôn ngữ viết</td><td>- Thư xin việc gửi nhà tuyển dụng
- Báo cáo khoa học
- Đơn xin việc</td><td>- Thư hỏi thăm gửi bạn bè ở xa
- Tin nhắn gửi cho bạn bè
- Nhật kí cá nhân</td></tr>
<tr><td>Ngôn ngữ nói</td><td>- Lời phát biểu mở đầu một bữa tiệc (tân gia, đám cưới,...)
- Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp THPT, Đại học
- Phát biểu tại hội thảo khoa học
- Phỏng vấn xin việc</td><td>- Lời phát biểu chia tay đồng nghiệp chuyển công tác
- Những lời chúc trong buổi liên hoan chia tay bạn bè
- Cuộc trò chuyện giữa những người thân trong gia đình (ba mẹ - con cái; anh chị em;...)</td></tr>
</table></td>
</tr>
</table>

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS chọn cách nói phù hợp trong các tình huống giao tiếp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

1. Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Hoàn thành bài tập 4 (tr 51/SHS)

Yêu cầu: Tìm và phân tích một số ví dụ minh họa cho các mục đích chuyển đổi phong cách ngôn ngữ từ ngôn ngữ trang trọng sang ngôn ngữ thân mật hoặc ngược lại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà thực hiện cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

Gợi ý sản phẩm

a. Thể hiện sự thay đổi trong quan hệ giao tiếp giữa người nói (viết) với người nghe (đọc)

Chẳng hạn, cùng người nói và người nghe, nhưng trong những tình huống giao tiếp khác nhau, quan hệ giao tiếp giữa họ có sự thay đổi, kéo theo đó là sự thay đổi trong cách gọi.

Ví dụ 1: Trong cuộc họp của công ty, khi phát biểu, nhân viên gọi lãnh đạo là "Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn A", nhưng khi trò chuyện trong nhóm bạn bè thì có thể chỉ gọi bằng tên riêng.
Ví dụ 2: Trong bài *thơ Ngài và anh, cô vờ em của* nhà thơ.S. Puskin (A.s. Puskin) do Thuý Toàn dịch có sự chuyển đổi trong cách dùng đại từ xưng hô của hai nhân vật (từ tiếng "ngài" lịch sự, trang trọng đến tiếng "anh"gần gũi, thân thiết trong lời của người con gái; từ tiếng"cô"xa vời, khách khí đến tiếng "em"đầm ấm, mến thương trong lời của người con trai), qua đó thể hiện những cảm xúc tình yêu của hai nhân vật.

b. Thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm hoặc gây cười

- Trong truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài có đoạn nói về cuộc gặp giữa Dế Mèn và họ nhà Cóc, khi nghe câu chào rất văn vẻ của thầy đồ Cóc: "H*à cớ mà nhị vị tráng sĩ du nhàn qua bản thôn?*", Dế Mèn đã đáp đùa lại cũng bằng những lời hoa mỹ, khôi hài: "*Thưa tiên sinh, chúng tôi đi du lịch*". Lời đáp lại của Dế Mèn tỏ vẻ trang trọng nhưng lại chứa đựng thái độ châm biếm, gây cười.

2. Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Thảo luận cặp đôi:

Yêu cầu: Chọn cách nói phù hợp trong các tình huống giao tiếp trong bảng. Giải thích cách lựa chọn từ ngữ, kiểu câu của em.

Nhân vật giao tiếp / Nội dung giao tiếp	Bạn mới quen	Bạn thân
Chào hỏi		
Hỏi mượn sách		
Hỏi về ước mơ		
Hỏi bài tập khó		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi. Báo cáo sản phẩm theo cặp bằng hình thức tiểu phẩm ngắn (theo từng tình huống)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Gợi ý sản phẩm

Nhân vật giao tiếp / Nội dung giao tiếp	Bạn mới quen	Bạn thân
Chào hỏi	*Chào bạn! Rất vui được làm quen với bạn.*	*Ê! Đi đâu đấy?/ Dạo này khỏe không?*
Hỏi mượn sách	*Bạn có thể cho mình mượn cuốn sách này được không?*	*Tớ mượn cuốn sách này nhé.*
Hỏi về ước mơ	*Ước mơ của cậu là gì? Có thể chia sẻ cho mình biết được không?*	*Ê! Sau này lớn lên muốn làm gì?*
Hỏi bài tập khó	*Cậu hướng dẫn cho tớ cách làm bài này được không?*	*Cái bài này giải như thế nào nhỉ?*

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

VIẾT

Tiết:74,75

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN
BÀN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ
(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy viết:

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; có ý thức rèn luyện các kĩ năng, thao tác cần thiết đẻ viết bài nghị luận xã hội và biết cách trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân.
- HS biết thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề mình quan tâm, đáp ứng được các yêu cầu đối với kiểu bài.

2. Phẩm chất

Biết cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện bản thân và xây dựng cộng đồng.

TH *

- Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Giáo dục tinh thần, trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **Yêu cầu**: Mỗi hình ảnh sau đề cập đến lối ứng xử chưa đẹp nào? Ảnh 1 Ảnh 2 Ảnh 3 Ảnh 4 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát tranh, nêu cách ứng xử chưa đúng đắn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **Bước 4: Kết luận, nhận định** ***Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống**	**Gợi ý đáp án** - Ảnh 1: *Con cái không nghe lời bố mẹ* - Ảnh 2: *Bạn bè cãi nhau* - Ảnh 3: *Nói xấu sau lưng người khác* - Ảnh 4: *Chê bai ngoại hình người khác (body shaming)*

GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới:

Các bức ảnh mà các em vừa lật mở đều thể hiện những cách ứng xử chưa phù hợp, đúng mực của cá nhân trong mối quan hệ với cha mẹ, bạn bè, những người xung quanh mình.

Mỗi cá nhân chúng ta đều không thể tách rời các mối quan hệ gia đình và xã hội. Do đó, chúng ta cần học cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trong các mối quan hệ ấy để góp phần phát triển, hoàn thiện nhân cách mỗi người. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách vận dụng các thao tác, kĩ năng nghị luận để bàn luận về quan niệm và cách ứng xử trong mối quan hệ mà em quan tâm.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
- HS hiểu được ứng dụng của bài viết nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung hoạt động

GV tổ chức cho học sinh đọc và nắm những yêu cầu của một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) qua các câu hỏi trắc nghiệm.

c. Sản phẩm

Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phần Yêu cầu, trang 52/SGK. - **Tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn?"** Luật chơi: + Có 05 câu hỏi, mỗi câu hỏi chỉ xuất hiện trong	**I. Yêu cầu của kiểu bài** - Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. - Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra

thời gian 15s + HS ghi nhanh các câu trả lời ra giấy theo hình thức cá nhân. + GV yêu cầu HS giơ tay nhanh nhất sẽ trình bày các đáp án của mình. + HS trình bày đến câu nào, GV trình chiếu và chốt đáp án luôn câu hỏi đó. => **Hệ thống 05 câu hỏi:** **Câu 1**. Ý sau đúng hay sai? *Nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đế tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thúc đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.* ***A. Đúng*** *B. Sai* **Câu 2**. Vấn đề nghị luận của của kiểu bài viết là gì? A. Tác phẩm văn học B. Vấn đề cách ứng xử của con người trong các mối quan hệ gia đình, xã hội. C. Vấn đề hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ **Câu 3**. Dòng nào nêu đúng phương thức biểu đạt được sử dụng trong kiểu bài viết? A. Thuyết minh kết hợp với các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận. B. Nghị luận kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh. C. Chỉ sử dụng phương thức nghị luận **Câu 4**. Dòng nào nêu **không đúng** về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)? A. Nêu lí do và phân tích ảnh hưởng tiêu cực, tác hai của thói quen/quan niệm cần từ bỏ. C. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận. D. Dự đoán được phản ứng trái chiều và nêu được ý kiến phản biện. **Câu 5.** Điền vào chỗ chấm: *Cần triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng ...(1)... sắc bén và ...(2).. xác thực, tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận..* (Đáp án câu 5**: (1) lí lẽ; (2) bằng chứng**) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cá nhân. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 01 HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, có thể bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận. - Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén. - Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng.

2.2. Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS hiểu được bố cục và cách triển khai bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 52 - 54/ SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi SGK.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</th><th>SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

* HS theo dõi bài viết tham khảo, các chỉ dẫn bên lề phải của bài viết.

* GV chia lớp thành **04 nhóm**: Dựa vào phần đã chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận nhóm trong 05 phút để hoàn thành các yêu cầu sau:

- **Yêu cầu chung của cả 4 nhóm:** Hoàn thành **PHT số 01** sau:

<table>
<tr><th colspan="2">PHT số 01: Tìm hiểu bài viết tham khảo
Văn bản "Con người đã làm gì với tự nhiên?"</th></tr>
<tr><th>Các vấn đề tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr>
<tr><td>Vấn đề được bàn luận</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Hệ thống các luận điểm được triển khai</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác</td><td>.....</td></tr>
</table>

- **Yêu cầu riêng mỗi nhóm:** Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong mỗi luận điểm của bài viết tham khảo:

+ Nhóm 1: tìm hiểu luận điểm 1
+ Nhóm 2: tìm hiểu luận điểm 2
+ Nhóm 3: tìm hiểu luận điểm 2
+ Nhóm 4: tìm hiểu luận điểm 4

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS theo dõi bài viết tham khảo.
- HS thảo luận nhóm trong 05 phút để hoàn thành các yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

</td><td>

II. Phân tích bài viết tham khảo

Văn bản:** ***Yêu là biết sống đẹp hơn.

<table>
<tr><th>Các vấn đề tìm hiểu</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Vấn đề được bàn luận</td><td>Cách ứng xử trong tình yêu đôi lứa.</td></tr>
<tr><td>Hệ thống các luận điểm được triển khai</td><td>- Luận điểm 1: Tuổi trẻ và tình yêu trong xã hội hiện đại.

- Luận điểm 2: Những cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu.
- Luận điểm 3: Những cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu.
- Luận điểm 4: Cách ứng xử đúng đắn khi tình yêu không thành</td></tr>
<tr><td>Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng</td><td>- Lí lẽ, bằng chứng lấy từ trong đời sống thực tế: phụ nữ không còn bị phụ thuộc trong tình yêu, tình yêu đẹp được nảy sinh ở trường học của một đôi "anh – chị",…
- Lí lẽ bằng chứng lấy từ văn học: Tây Tiến của Quang Dũng, Tôi yêu em của Pu-skin,…</td></tr>
<tr><td>Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác</td><td>- Quan điểm trái chiều: Tình yêu thời hiện đại phải khác so với tình yêu theo quan điểm truyền thống. Điều này dẫn đến những nhận thức lệch lạc, cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu.
- Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng: tình trạng "đến" và "đi" trong tình yêu có chiều hướng dễ dãi, yêu theo "trào lưu", yêu cho khỏi "tụt hậu"; hiện tượng dễ dàng sống thử một cách ngẫu hứng, tuỳ tiện, không cần biết tới ngày mai; cách ứng xử của một</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

GV nhận xét, chốt kiến thức. - Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. - Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. - Giáo dục tinh thần, trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng.	số bạn trẻ khi tình yêu không được đáp lại hoặc đổ vỡ, chia li,… - Lí lẽ và bằng chứng dùng để phản biện có sức thuyết phục, làm rõ được những hành vi, phản ứng tiêu cực trong tình yêu. HS tự chỉ ra lí lẽ, bằng chứng trong các luận điểm của bài viết.

2.3. Quy trình viết

a. Mục tiêu:

HS nắm được các bước để viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

b. Nội dung hoạt động:

- HS theo dõi quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) (trang 55 - 57/SHS).
- HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

HS rút ra được các bước để viết một bài văn nghị luận về về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình thực hành viết đã học ở bài học 3: *Để viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ cần trải qua những bước nào?* - GV hướng dẫn HS tìm hiểu quy trình viết trong SHS. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS trả lời. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV chuẩn kiến thức cho HS. - GV cung cấp một số lưu ý ở bước Viết bài, Chỉnh sửa bài viết.	**III. Quy trình viết** 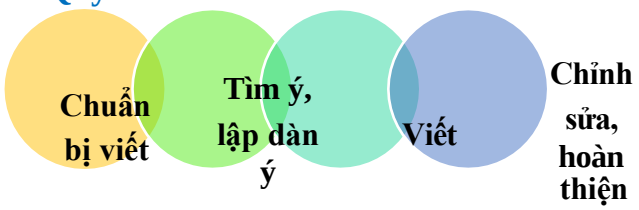 **a. Chuẩn bị viết** Lựa chọn được đề tài hấp dẫn, có ý nghĩa với lứa tuổi của mình, tập trung vào vấn đề tuổi trẻ với các mối quan hệ gia đình, xã hội. **b. Tìm ý và lập dàn ý** - ***Tìm ý:*** có thể tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi: *+ Bạn muốn bàn luận về quan điểm và cách ứng xử trong mối quan hệ nào?* *+ Quan điểm cá nhân của bạn về vấn đề như thế nào?* *+ Bạn sẽ đối thoại với những ý kiến trái chiều nào?* *+ Bạn sẽ đưa ra những lí lẽ gì và huy động những bằng chứng nào?* - ***Lập dàn ý***: Sắp xếp các ý đã tìm được vào các phần theo bố cục của một bài văn nghị luận. **Mở bài** — Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

Thân bài	- Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận. - Trình bày quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề được đề cập. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. - Phản biện một số quan điểm trái chiều.
Kết bài	Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.

c. Viết
- Bài văn được triển khai thành 03 phần theo dàn ý đã lập: Mở bài; thân bài; kết bài; các ý trong phần thân bài cần được triển khai thành các đoạn.
- Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp.

d. Kiểm tra và chỉnh sửa
- Đọc và kiểm tra lại các nội dung.
- Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí.
- Sửa các lỗi diễn đạt.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:
- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
- HS thực hành các bước để viết bài luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết .

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu Phiếu thực hành viết (PHT số 02) **- GV chia lớp thành 4 nhóm:** Thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn:	**II. THỰC HÀNH** **Đề bài:** Với sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng xã hội đang có ảnh hưởng ngày một lớn lên đời sống hàng ngày của chúng ta. Không gian mạng xã hội tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được bày tỏ quan điểm riêng trước các vấn đề của đời sống, tuy nhiên cũng để lại nhiều hệ lụy. Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội. **Gợi ý**

Các bước	Nội dung		
Chuẩn bị viết	- Mục đích bài viết - Nội dung bài viết - Hình thức bài viết		
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý		
	Lập dàn ý	MB	
		TB	
		KB	

Các bước	Nội dung
Chuẩn bị viết	- Mục đích: giúp mọi người hiểu rõ hơn về trách nhiệm của mỗi người khi phát trên mạng xã hội; thuyết phục người khác đồng tình với những ý kiến của em.

Yêu cầu: - Các nhóm thảo luận trong **01 phút** để báo cáo phần chuẩn bị cho mỗi đề bài. - Tìm ý và lập dàn ý: **Thảo luận nhóm:** + **03 phút**: HS suy nghĩ, trả lời vào PHT cá nhân. + **03 phút**: HS thảo luận, hoàn thành sản phẩm nhóm vào giấy A0. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện nhóm 1, 3 sẽ lên thuyết trình sản phẩm. - Các HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. - HS nhóm khác đánh giá phần trình bày sản phẩm của nhóm bạn theo rubrics mà GV cung cấp (**bên dưới)** **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn hoàn chỉnh. - HS tự đánh giá bài viết theo **bảng kiểm** (bên dưới). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc bài viết trước lớp (vào tiết học sau). - HS khác bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, đánh giá bài viết theo bảng kiểm.			- Nội dung: vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội. - Hình thức: viết bài văn nghị luận	
	Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	**Trả lời câu hỏi:** 1. *Thế nào là trách nhiệm phát ngôn của cá nhân?* 2. *Trách nhiệm phát ngôn cần thiết và quan trọng với giới trẻ như thế nào?* 3. *Giới trẻ thể hiện trách nhiệm phát ngôn của mình như thế nào?* 4. *Có những ý kiến trái chiều nào?*		
		Lập dàn ý	MB	Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.	
			TB	**Ý 1.** Giải thích vấn đề *Trách nhiệm phát ngôn:* là ý thức sử dụng lời nói/viết một cách đúng đắn, nghiêm túc, chính xác khi nhìn nhận, đánh giá bày tỏ quan điểm trước một vấn đề. Trách nhiệm này vừa là vấn đề tự ý thức, vừa có quy định chung mang tính pháp lý. **Ý 2.** Tầm quan trọng, sự cần thiết của vấn đề + Thói quen phát ngôn góp phần định hình nhân cách cho mỗi người. + Việc phát ngôn có văn hóa trên mạng xã hội là cơ sở để xây dựng và duy trì các mối quan hệ xã hội tốt đẹp. + Phát ngôn thiếu trách nhiệm có thể là tổn hại đến tâm lí, sức khỏe tinh thần của người khác; ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của người khác, gây xung đột và hủy hoại những mối quan hệ xã hội. + Đưa những phát ngôn sai lệch, thiếu chính xác, chưa được kiểm chứng lên MXH có thể gây hoang mang cho cộng đồng. **Ý 3.** Đề xuất cách cư xử đúng đắn khi phát ngôn trên MXH: + Cẩn trọng trước khi phát ngôn, tránh dùng những ngôn từ tục tĩu, phản văn hóa, ngôn	

			ngữ gây kích động, thù ghét, chia rẽ. + Không dùng ngôn từ để xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác. + Ý thức về việc mình sẽ phải tự chịu trách nhiệm cho mọi phát ngôn từ tài khoản mạng xã hội của mình. + Không chia sẻ những thông tin chưa được kiểm chứng; những thông tin gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, tài sản của các cá nhân/tổ chức. **Ý 4.** Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác + Ý kiến trái chiều: Phát ngôn là quyền tự do ngôn luận của mỗi cá nhân, mạng xã hội là không gian công cộng nên con người được tự do bày tỏ quan điểm chính kiến. Lỗi phát ngôn không thể quy chụp từ 1 phía: lỗi từ người nói và lỗi từ phía người tiếp nhận (thiếu bản lĩnh, ý chí, cả tin, mù quáng…) + *Phản bác:* Mỗi người đều có quyền tự do ngôn luận nhưng cần tuân thủ quy định của lương tâm và pháp luật. Mỗi cá nhân hãy là người thông thái trong việc thu và phát thông tin trước một thế giới nhiều biến động.
		KB	Khái quát lại ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen trì hoãn công việc.
Viết	HS về nhà viết bài theo bố cục 03 phần.		
Kiểm tra và chỉnh sửa	HS kiểm tra và chỉnh sửa bài viết.		

Rubrics đánh giá sản phẩm thuyết trình của HS (báo cáo sản phẩm nhóm)

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Trình bày cẩu thả; Sai nhiều lỗi chính tả	**1 điểm** Trình bày tương đối cẩn thận; Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Trình bày cẩn thận; Không có lỗi chính tả; Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Dàn ý sơ sài	**4 – 5 điểm** Dàn ý trình bày tương đối chi tiết, rõ ràng	**6 điểm** Dàn ý trình bày chi tiết, rõ ràng
Thuyết trình (2 điểm)	**0 điểm** Lời nói còn ấp úng, chưa đủ âm lượng nghe, chưa tự tin	**1 điểm** Lời nói tương đối rõ ràng, âm lượng đủ nghe nhưng chưa tự tin	**2 điểm** Lời nói rõ ràng, âm lượng đủ nghe. Phong thái tự tin, có tương tác với người nghe.
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN BÀN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu vấn đề thể hiện cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.		
	Nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề.		
Thân bài	Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề; sử dụng kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm.		
	Nêu ý kiến trái chiều và phản bác.		
Kết bài	Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra.		
Hình thức	Đảm bảo bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài); mỗi luận điểm ở Thân bài viết thành một đoạn văn.		
	Phối hợp các thao tác lập luận: phân tích, chứng minh, bác bỏ,...		
	Sử dụng từ ngữ liên kết để đảm bảo liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.		
	Đảm bảo quy tắc chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...)		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

b. Nội dung: Viết bài luận nghị luận về cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.

c. Sản phẩm: Bài văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu nhiệm vụ:

1. Viết bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý đã lập trên lớp. Kiểm tra và chỉnh sửa sau khi viết dựa trên bảng kiểm đánh giá (phụ lục 4)
2. Lập dàn ý cho một đề tài khác.

Đề bài: Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ về cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét tổng kết trong tiết học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Nói và nghe: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

RÚT KINH NGHIỆM

……
……
……

Ngày soạn:
Ngày dạy:

NÓI VÀ NGHE

Tiết:76,77

TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ
(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
(tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

***Năng lực chung**: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

***Năng lực đặc thù:**

- Biết thuyết trình về một vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.
- Biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.
- Biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS xem video sau:

https://www.youtube.com/watch?v=RdROreFXlvc

và chia sẻ:

1. *Video đề cập đến vấn đề gì?*
2. Em hãy chia sẻ nhanh một vài suy nghĩ về vấn đề đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS chia sẻ, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

1. Video nói về vấn đề: Khoảng cách thế hệ giữa cha mẹ và con cái.
2. HS chia sẻ một vài suy nghĩ về vấn đề.

- Khoảng cách thế hệ giữa cha mẹ và con cái là vấn đề tồn tại từ lâu, càng trở nên đáng quan tâm ở xã hội hiện đại, khi mà khoảng cách thế hệ ngày càng lớn.
- Một số nguyên nhân gây nên khoảng cách thế hệ giữa cha mẹ và con cái: Cha mẹ kiểm soát con quá mức; thiếu sự thấu hiểu, sẻ chia, kết nối; bố mẹ can thiệp quá sâu vào cuộc sống của con cái; khác biệt về quan niệm sống giữa các thế hệ;...
- HS có thể nêu thêm về hậu quả, cách khắc phục,...

GV dẫn dắt vào bài:

Giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình có ý nghĩa lớn đối với người trẻ. Nhưng đó chỉ là một trong vô vàn những vấn đề đặt ra với tuổi trẻ liên quan đến cách ứng xử của người trẻ với gia đình, xã hội. Vậy để thuyết trình về một vấn đề liên quan đó, các em cần làm thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu đối với bài thuyết trình trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SHS/Tr 57, trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - *Khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), em cần lưu ý những điều gì?* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện các yêu cầu. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	**I. LÝ THUYẾT** **1. Yêu cầu** *** Khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), cần lưu ý:** - Chọn được vấn đề hấp dẫn và có ý nghĩa với tuổi trẻ. - Bày tỏ được quan điểm cá nhân và đưa ra được cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp; kết hợp được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp. - Thể hiện được sự đồng cảm, thái độ tôn trọng đối với người khác. - Biết tận dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày bài nói hiệu quả

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV mời một số HS phát biểu về những lưu ý trong bước chuẩn bị bài nói và trình bày bài nói bằng cách trả lại nhanh các câu hỏi sau:

+ *Để có một bài nói trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), em cần chuẩn bị những gì trước khi nói?*

- *Bố cục của bài nói trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì?*

- *Để bài nói thêm thu hút và thuyết phục, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.
- HS khác nghe, góp ý.
- GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

2. Quy trình bài nói và nghe

a. Bước 1. Chuẩn bị nói

***Lựa chọn đề tài**

- Khi lựa chọn đề tài, có thể tham khảo các vấn đề được gợi ý ở phần Viết hoặc chọn đề tài mới theo quan điểm cá nhân.
- HS có thể lựa chọn đề tài theo gợi ý của GV.

*** Tìm ý và lập dàn ý**

- Nếu chọn đề tài theo phần Viết, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với yêu cầu của bài nói để tìm và sắp xếp hệ thống ý cho phù hợp.
- Nếu chọn đề tài mới, thì đặt câu hỏi để tìm ý và sắp xếp ý cho bài nói.

- Dàn ý chung của bài nói:

Mở đầu: Nêu vấn đề của tuổi trẻ về cách ứng xử trong mối quan hệ gia đình, xã hội và giải thích vì sao em lựa chọn vấn đề đó.

Triển khai:

+ Trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề bàn luận với các lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. Các lí lẽ, bằng chứng có thể triển khai theo trình tự tăng dần: từ lí lẽ, bằng chứng ít quan trọng đến lí lẽ, bằng chứng quan trọng hơn và kết thúc bằng lí lẽ, bằng chứng quan trọng nhất, có sức thuyết phục cao nhất hoặc theo trình tự ngược lại.

+ Nêu ý kiến trái chiều có thể có và phản biện lại ý kiến đó.

Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề bàn luận đối với đời sống của tuổi trẻ hiện nay.

b. Bước 2. Thực hành nói và nghe

Yêu cầu của người nói, người nghe

Người nói	Người nghe
- Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lô gích, có lí lẽ và bằng chứng. **- Hình thức trình bày**: + Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. + Có sự sáng tạo khi trình bày.	- Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một

- Tác phong, thái độ khi trình bày: + Tự tin, thân thiện + Trình bày và diễn đạt hấp dẫn. + Tốc độ nói vừa phải, có ngữ điệu phù hợp, đảm bảo yêu cầu về thời gian.	cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung trình bày. - Tôn trọng người thuyết trình; sử dụng yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mặt để khích lệ người thuyết trình.

c. Bước 3. Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
- Tiếp thu ý kiến, giải đáp câu hỏi của người nghe hoặc khẳng định quan điểm của bản thân. - Thể hiện tinh thần cầu thị.	- Nêu các câu hỏi cần giải đáp; trao đổi về những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với người nói. - Thể hiện thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người nói.

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu: HS vận dụng kĩ năng nói và nghe trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe..

c. Sản phẩm: Phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU GHI CHÉP PHẦN NGHE TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Đề tài bài nói:……

Người nói:……

Người nghe:……..

***Nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình của bài nói:** Người nghe trả lời các câu hỏi sau:

+ Người nói bàn luận quan điểm và cách ứng xử trong mối quan hệ nào?

+ Người nói có quan điểm như thế nào về vấn đề đó? Quan điểm ấy có sức thuyết phục không?

+ Cách trình bày quan điểm của người nói có rõ ràng mạch lạc không? Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có được sử dụng hiệu quả không?

***Câu hỏi về những điểm còn băn khoăn, muốn trao đổi để làm rõ thêm:**

……

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị nói	**II. THỰC HÀNH** **1. Đề bài**

<table>
<tr>
<td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu HS trình bày dàn ý các đề bài nói mà GV đã giao trước tiết học.

- GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị sản phẩm của các thành viên trong nhóm và chấm chéo dàn ý bài nói của các thành viên trước tiết học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gọi 2 HS trình bày nhanh dàn ý của mỗi đề bài nói.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời cá nhân.

Các HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết luận

</td>
<td>

Đề tài (GV đã giao chuẩn bị trước tiết học)

Đề 1 (nhóm 1, 2): Trình bày quan điểm về trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.

Đề 2 (nhóm 3, 4): Trình bày ý kiến về cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.

=> Hướng dẫn lập dàn ý:

Đề 1. Trình bày quan điểm về trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.

<table>
<tr><td>Mở đầu</td><td>Giới thiệu và nêu lí do lựa chọn vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.</td></tr>
<tr><td>Triển khai</td><td>- Thế nào là trách nhiệm phát ngôn của cá nhân?
- Trách nhiệm phát ngôn cần thiết và quan trọng với giới trẻ như thế nào?
- Giới trẻ thể hiện trách nhiệm phát ngôn của mình như thế nào?
- Có những ý kiến trái chiều nào?</td></tr>
<tr><td>Kết thúc</td><td>Nêu ý nghĩa của vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.</td></tr>
</table>

Đề 2. Trình bày ý kiến về cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.

<table>
<tr><td>Mở đầu</td><td>Giới thiệu nêu lí do lựa chọn vấn đề cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.</td></tr>
<tr><td>Triển khai</td><td>- Thế nào là khác biệt thế hệ trong gia đình?
- Vấn đề giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình cần thiết và quan trọng như thế nào?
- Cần làm gì để giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình?
- Có những ý kiến trái chiều nào?</td></tr>
<tr><td>Kết thúc</td><td>Nêu ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.</td></tr>
</table>

</td>
</tr>
<tr>
<td>

2. Nhiệm vụ 2: Thực hành nói

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV mời lần lượt đại diện nhóm 1, 3 sẽ báo cáo sản phẩm bài nói. Nhóm 2, 4 sẽ phản biện, nhận xét và đánh giá.

- GV nêu rõ yêu cầu:

+ Thời gian tối đa trình bày bài nói: **03 phút**.

+ Trong quá trình bạn trình bày bài nói, các HS khác lắng nghe và ghi lại nhanh các thông tin của bài nói vào Phiếu ghi chép của người nghe

</td>
<td>

2. Thực hành nói

a. Người nói

- Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) theo dàn ý.

- Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...

b. Người nghe

- Lắng nghe, ghi chép theo Phiếu ghi chép.

- Tôn trọng người trình bày.

3. Trao đổi, đánh giá

a. Người nói

- Giải thích lí do lựa chọn vấn đề để trình bày ý kiến, phân

</td>
</tr>
</table>

+ GV trình chiếu Phiếu đánh giá sản phẩm nói theo tiêu chí. Yêu cầu cả người nói và người nghe bám sát vào các tiêu chí trong phiếu đánh giá sản phẩm nói để điều chỉnh bài nói (người nói) cũng như đánh giá bài nói (người nghe). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Người nói rà soát đề cương bài nói, phương tiện hỗ trợ để thực hiện bài nói. - Người nghe xem kĩ phiếu ghi chép và phiếu đánh giá sản phẩm nói. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm 1, 3 trình bày bài nói. - Các HS khác quan sát, lắng nghe, điền thông tin vào Phiếu ghi chép của người nghe. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét sản phẩm HS. **3. Nhiệm vụ 3. Trao đổi, đánh giá sau khi nói** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV mời đại diện nhóm 2, 4 nhận xét, phản biện và đánh giá sản phẩm bài nói của nhóm 1, 3. **Bước 2+3. Thực hiện nhiệm vụ + Báo cáo** - Đại diện các nhóm/cá nhân trao đổi, đánh giá. - Các HS đánh giá sản phẩm nói của các HS trình bày theo rubrics đánh giá. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá và cho điểm **nhóm 1, 3** các nhóm theo rubric. - HS về nhà hoàn thiện Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe của bản thân.	tích thêm để thấy tính hợp lí của sự lựa chọn đó. - Lắng nghe để nắm bắt ý kiến trao đổi của người nghe về các khía cạnh cụ thể của vấn đề. - Tiếp thu hoặc trao đổi lại những nhận xét, đánh giá của người nghe. **b. Người nghe** - Thể hiện sự tán thành hoặc không tán thành với những ý kiến của người nói về các khía cạnh cụ thể của vấn đề. - Nhận xét về nội dung trình bày và cách trình bày của người nói. **c. Đánh giá** - Phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí. - Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe.

PHIẾU GHI CHÉP CỦA NGƯỜI NGHE

Tên người nói:.....

Tên người nghe:.....

Vấn đề cần theo dõi	Ghi chép của người nghe về bài nói	Quan điểm cá nhân (đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ)

Đề tài bài nói (cách cư xử trong các mối quan		

hệ gia đình, xã hội)		
Bản chất của vấn đề		
Tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề		
Đề xuất cách cư xử đúng đắn		
Ý kiến trái chiều và lí lẽ bác bỏ		
Nhận xét phần trình bày của người nói.		
Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ
Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Người nói:……..
Người nhận xét:…….

TIÊU CHÍ	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nội dung bài nói đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục **(5 điểm)**	Nôi dung sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của sự việc. (1 – 2 điểm)	Đã nêu được một các khía cạnh của sự việc; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc. (3 – 4 điểm)	Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về sự việc. (5 điểm)
2. Phong thái tự tin **(2 điểm)**	Còn rụt rè, chưa tương tác với người nghe. (0.5 điểm)	Đã mạnh dạn trình bày nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên; thiếu tương tác với người nghe. (1 điểm)	Tự tin khi trình bày; tương tác tốt với người nghe. (2 điểm)
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm **(1 điểm)**	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. (0 điểm)	Nói to, nhưng đôi chỗ còn lặp lại hoặc ngập ngừng. (0.5 điểm)	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. (1 điểm)
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp (*tranh ảnh, video,...)* **(1 điểm)**	Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ. (0 điểm)	Đã sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ, minh họa nhưng chưa hiệu quả. (0.5 điểm)	Sử dụng các phương tiện hỗ trợ, minh họa có hiệu quả cao. (1 điểm)

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí **(1 điểm)**	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. (0 điểm)	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói nhưng chưa ấn tượng. (0.5 điểm)	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (1 điểm)
Điểm			
TỔNG ĐIỂM			

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

Người tự đánh giá:……..

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE		
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa		
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
5	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Điều bản thân đã làm tốt trong kĩ năng nghe …… - Điều bản thân muốn khắc phục trong kĩ năng nghe ……		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

b. Nội dung thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Chia sẻ thông điệp** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV đàm thoại với học sinh, trả lời các câu hỏi: *Thông qua việc tìm hiểu và tham gia hoạt động trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), em rút ra cho bản thân những thông điệp ý nghĩa nào?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1 – 2 HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận xét** GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	HS có thể rút ra cho bản thân những thông điệp ý nghĩa sau:: - Cần trân trọng những mối quan hệ trong gia đình và xung quanh mình. - Cần có những cách ứng xử đúng đắn, lịch sự, văn minh để không làm tổn hại đến các mối quan hệ gia đình, xã hội. - Cần lên án những hành vi ứng xử thiếu lịch xử, vô văn hóa,... ...
***Nhiệm vụ 2: Sáng tạo video trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - **Mỗi nhóm** hoàn thành 01 video trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các	HS hoàn thành sản phẩm nhóm tại nhà.

mối quan hệ gia đình, xã hội). Video đảm bảo yêu cầu sau: + Có tên trường, tên lớp, tên nhóm, đề tài trình bày, tên các thành viên. + Nhóm thống nhất đề tài trong nhóm (về 01 vấn đề về cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), thống nhất dàn ý bài nói, cử 01 đại diện trình bày video và cả nhóm cùng quay lại; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm phong phú cho video. - Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp. + Thời gian: 01 tuần sau tiết học. + Sản phẩm: 01 video trình bày ý kiến, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên. + Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp. - GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm video. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS nhóm 2, 4 thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Nộp sản phẩm trên Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp. HS nhóm 1, 3 xem video, nhận xét, đánh giá. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV đánh giá và cho điểm sản phẩm nhóm.	

RUBRICS ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mức độ / Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Video trình bày **(10 điểm)**	- Nôi dung video sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của vấn đề - Hình thức video chưa đẹp mắt (5 – 6 điểm)	- Nội dung video đã nêu được một các khía cạnh của vấn đề; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc. - Hình thức sinh động nhưng chưa thực sự gây ấn tượng. (7 – 8 điểm)	- Nội dung video đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về vấn đề. - Hình thức lôi cuốn, hấp dẫn. (9 - 10 điểm)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tự thực hành nói: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....